

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 – CM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2025/DS-ST
Ngày: 25/9/2025
(V/v Tranh chấp hợp đồng
tín dụng)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – CM**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Hồng Diễm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thanh Tuấn và ông Trần Văn Phước

Thư ký phiên tòa: Ông Tô Hoàng Kha – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 9 – CM.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 – CM tham gia phiên tòa:
Ông Danh Đạt, Kiểm sát viên.**

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9 – CM xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 202/2023/TLST-DS ngày 09 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 163/2025/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2025 giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần BDLV (nay là Ngân hàng TMCP LPVN).

Địa chỉ: LPBank Tower, số 210, đường TQK, phường HK, thành phố HN.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Quốc Kh – Chức vụ Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Văn Y, chức vụ: Chuyên viên của Ngân hàng TMCP BDLV chi nhánh BL (theo giấy ủy quyền số 1398/2024/QĐ - BL ngày 02/02/2024)

Bị đơn: Ông Danh M, sinh năm 1961

Địa chỉ: ấp TK, xã HD, tỉnh CM

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

1/. Anh Danh Ng, sinh năm 1988

Địa chỉ: ấp TK, xã HD, tỉnh CM

2/. Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1987

Địa chỉ: ấp TK, xã HD, tỉnh CM

3/. Anh Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1987

Địa chỉ: ấp TK, xã HD, tỉnh CM

4/. Anh Phạm Vũ Kh, sinh năm 1995

Địa chỉ: ấp TK, xã HD, tỉnh CM

(Ông Y có đơn xin vắng mặt; Ông M và anh Ng vắng mặt không có lý do; Anh Kh, anh Th và anh Kh có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn Kh kiện ngày 21/7/2023, lời khai trong quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần BDLV nay là Ngân hàng thương mại cổ phần LPVN (gọi tắt là Ngân hàng) trình bày: Ngày 21/08/2020, Ngân hàng với ông Danh M đã ký Hợp đồng Tín dụng số HDTD19A2020152 và Phụ lục Hợp đồng số HDTD19A2020153, thống nhất về việc vay số tiền gốc là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), mục đích vay tiêu dùng mua sắm vật dụng gia đình, thời hạn vay 120 tháng, lãi suất cho vay 11,7%/năm, kỳ hạn trả nợ gốc cố định vào ngày 25 hàng 06 tháng và được trả làm 20 kỳ, kỳ hạn trả lãi vào ngày 25 hàng 03 tháng, kỳ thu lãi đầu tiên vào ngày 25/11/2020, số tiền nợ lãi phải trả tính trên dư nợ thực tế tại từng thời điểm.

Kể từ ngày 29/06/2023, ông Danh M đã không trả nợ đúng hạn, phát sinh nợ quá hạn, vi phạm Hợp đồng nhiều lần nhưng không khắc phục theo yêu cầu của Ngân hàng

Tính đến hết ngày 25/9/2025, ông Danh M đã trả được là 120.219.238 đồng (trong đó tiền gốc 50.050.074 đồng, lãi 70.169.164 đồng). Số tiền còn phải trả Ngân hàng là 217.175.781 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 149.949.926 đồng và nợ lãi: 67.225.855 đồng (Lãi trong hạn 48.521.425 đồng; Lãi quá hạn 18.704.430 đồng).

Ngày 29/07/2022, giữa Ngân hàng với ông Danh M đã ký Hợp đồng Tín dụng số: HDTD19A2022244, thống nhất về việc vay số tiền gốc là 330.000.000 đồng (Ba trăm ba mươi triệu đồng), mục đích vay bổ sung vốn trồng lúa, nuôi trồng thủy sản, thời hạn vay 11 tháng, lãi suất cho vay 10,9%/năm, kỳ hạn trả nợ gốc được trả cuối kỳ, kỳ hạn trả lãi vào ngày 10 hàng 03 tháng, kỳ thu lãi đầu tiên vào ngày 29/10/2022, số tiền nợ lãi phải trả tính trên dư nợ thực tế tại từng thời điểm.

Kể từ ngày 29/06/2023, ông Danh M đã không trả nợ đúng hạn, phát sinh nợ quá hạn, vi phạm hợp đồng nhiều lần nhưng không khắc phục theo yêu cầu của Ngân hàng.

Tính đến hết ngày 25/9/2025. ông Danh M đã trả được là 28.969.438 đồng (trong đó tiền gốc 8 đồng, lãi 28.969.430 đồng). Số tiền còn phải trả cho Ngân hàng là 481.552.614 đồng (Trong đó nợ gốc 329.999.992 đồng, lãi trong hạn 6.756.460 đồng; Lãi quá hạn 144.796.162 đồng).

Để đảm bảo cho các khoản vay, ngày 21/8/2020, Ngân hàng với ông Danh M đã ký Hợp đồng Thế chấp quyền sử dụng đất số: HDTTC19A202074 đã được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã NH, huyện HD, tỉnh BL ngày ký 06/08/2021. Trong đó, các bên cùng thống nhất về việc thế chấp tài sản để bảo đảm thực hiện cho toàn bộ nghĩa vụ thanh toán của ông Danh M tại Ngân hàng. Chi tiết về các tài

sản thế chấp cụ thể như sau: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 002200, số vào sổ cấp GCN CS02812 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh BL cấp ngày 28/06/2019, thửa đất số 256 tờ bản đồ số 10, diện tích 10.343,8 m²; Địa chỉ thửa đất: ấp TK, xã NH, huyện HD, tỉnh BL. Mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 002112, số vào sổ cấp GCN CS02794 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh BL cấp ngày 19/06/2019, thửa đất số: 255 tờ bản đồ số 10, diện tích: 4.947,9 m²; Địa chỉ thửa đất: ấp TK, xã NH, huyện HD, tỉnh BL, mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước.

Do ông M vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Danh M có nghĩa vụ thanh toán trả cho Ngân hàng số tiền vay là 698.728.395 đồng (Trong đó tiền gốc là 479.949.918 đồng, lãi trong hạn là 55.277.885 đồng, lãi quá hạn là 163.500.592 đồng) tạm tính đến ngày 25/9/2025. Kể từ ngày 26/9/2025 cho đến khi chưa thanh toán nợ, ông Danh M phải chịu lãi suất quá hạn theo quy định trong Hợp đồng Tín dụng đã ký với Ngân hàng.

Ngay sau khi Bản án của Tòa có hiệu lực pháp luật, nếu ông Danh M không trả nợ hoặc chỉ trả được một phần nợ theo Hợp đồng hạn mức tín dụng thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý toàn bộ các tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay nêu trên của ông Danh M để thu hồi nợ vay cho Ngân hàng.

Bị đơn ông Danh M: Mặc dù ông Danh M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập làm việc và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử vụ án, nhưng ông Danh M vẫn không đến Tòa án để làm việc theo nội dung giấy triệu tập của Tòa án mà không có lý do chính đáng. Do đó, Tòa án sẽ tiến hành giải quyết vắng mặt đối với ông Danh M theo đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn Kh trình bày: Vào ngày 28/01/2022 anh nhận cổ quyền sử dụng đất của cha con ông Danh Ng và ông Danh M. Phần đất diện tích 12 công tầm cây tọa lạc tại ấp TK, xã NH, huyện HD, tỉnh BL với giá 200.000.000 đồng, thời hạn cổ đất là 2 năm, biên nhận do ông Ng viết và có sự chứng kiến của ông Phan Văn Linh lúc đó là trưởng ấp TK, sau khi viết xong thì các bên có ký tên vào giấy cổ đất. Ông đã giao đủ số tiền 200.000.000 đồng cho ông Ng và ông M, ông M và ông Ng cũng đã giao đất cho ông canh tác cho đến nay, hiện đã hết thời hạn cổ đất nhưng ông M và ông Ng chưa chuộc lại đất. Khi Ngân hàng TMCP BDLV (nay là Ngân hàng TMCP LPVN) Kh kiện ông Danh M. Tòa án tiến hành đo đạc đất thì ông mới biết là phần đất này đã thế chấp vay tiền của ngân hàng. Nay ngân hàng Kh kiện yêu cầu ông M trả nợ thì ông không có ý kiến gì. Ông không đồng ý cho Ngân hàng phát mãi tài sản này, đối với việc cổ đất giữa ông với ông Ng và ông M thì ông xin rút lại yêu cầu Kh kiện, ông không yêu cầu xem xét trong vụ án này. Ông với ông Ng và ông M sẽ thỏa thuận sau. Ngoài ra ông không có yêu cầu nào khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn Th trình bày:

Vào ngày 25/6/2020 anh có nhận cầm cố quyền sử dụng đất của cha con ông ông Danh Ng và ông Danh M. Phần đất diện tích 10 công tầm cây tọa lạc tại ấp TK, xã NH, huyện HD, tỉnh BL với giá 250.000.000 đồng, thời hạn cố là 3 năm. Anh có cho ông M và ông Ng thuê lại phần đất này một năm với giá là 27.000.000 đồng/năm, anh đã giao đủ tiền cho ông Ng và ông M, biên nhận do anh viết và có sự chứng kiến của ông Phan Tấn Liệt lúc đó là trưởng ấp TK, sau khi viết xong thì các bên có ký tên vào giấy cố đất. Trong thời gian thuê đất thì ông M và ông Ng có trả tiền thuê đất được 2 năm. Còn năm 2023 thì chưa trả. Nay anh yêu cầu chấm dứt hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất ngày 26/6/2020 giữa anh với ông Danh Ng và ông Danh M. Anh yêu cầu ông Danh Ng và ông Danh M cùng có nghĩa vụ giao trả cho anh số tiền cầm cố quyền sử dụng đất là 250.000.000 đồng, đối với số tiền thuê quyền sử dụng đất là 27.000.000 đồng thì anh yêu cầu được rút lại yêu cầu đối với số tiền thuê đất này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Vũ Kh trình bày:

Vào ngày 15/3/2021 tôi nhận cố quyền sử dụng đất của cha con ông ông Danh Ng và ông Danh M. Phần đất diện tích 12 công tầm cây tọa lạc tại ấp TK, xã NH, huyện HD, tỉnh BL với giá 40 chỉ vàng 9999, thời hạn cố là 3 năm. Nếu trong thời hạn 3 năm mà ông Ng và ông M không có tiền chuộc thì tôi được quyền làm tiếp, tôi có cho thuê lại phần đất này một năm với giá 2.300.000 đồng/01 công x 12 công là 27.600.000 đồng/năm, tôi đã giao đủ vàng cho ông Ng và ông M, biên nhận do ông Phan Văn Ý viết dùm tại nhà ông Ý, sau khi ông Ý viết xong thì các bên có ký tên vào giấy cố đất. Nay tôi yêu cầu ông Danh Ng và ông Danh M cùng có nghĩa vụ giao trả cho tôi số vàng cầm cố quyền sử dụng đất là 40 chỉ vàng 9999. Đối với số tiền thuê quyền sử dụng đất là 27.600.000 đồng thì anh yêu cầu được rút lại yêu cầu đối với số tiền thuê đất này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Danh Ng: Mặc dù anh Ng đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập làm việc và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử vụ án, nhưng anh Ng vẫn không đến Tòa án để làm việc theo nội dung giấy triệu tập của Tòa án mà không có lý do chính đáng. Do đó, Tòa án sẽ tiến hành giải quyết vắng mặt đối với anh Ng theo đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – CM tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử là đúng theo quy định của pháp luật. Đối với việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn Kh, anh Nguyễn Văn Th và anh Phạm Vũ Kh là đúng quy định pháp luật; Đối với bị đơn ông Danh M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Danh Ng chưa chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu Kh kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần BDLV (nay là Ngân hàng thương mại cổ phần LPVN) đối với ông Danh M về việc tranh hợp đồng tín dụng. Buộc Danh M có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần LPVN số tiền là 698.728.395

đồng (Trong đó tiền gốc là 479.949.918 đồng, lãi trong hạn là 55.277.885 đồng, lãi quá hạn là 163.500.592 đồng) tạm tính đến ngày 25/9/2025. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

Nếu trường hợp ông Danh M không có khả năng trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ theo quy định pháp luật.

Đình chỉ xét xử yêu cầu độc lập của anh Nguyễn Văn Kh về việc tranh chấp hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất ngày 28/01/2022 giữa anh Nguyễn Văn Kh với ông Danh M và ông Danh Ng.

Buộc anh Nguyễn Văn Kh giao trả cho ông Danh M các diện tích đất đã nhận cầm cố.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của anh Nguyễn Văn Th về việc yêu cầu chấm dứt hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất ngày 26/6/2020 giữa anh với ông Danh Ng và ông Danh M. Buộc ông M và ông Ng có nghĩa vụ giao trả cho anh Th số tiền cầm cố quyền sử dụng đất là 250.000.000 đồng. Đình chỉ một phần xét xử đối với yêu cầu số tiền thuê quyền sử dụng đất là 27.000.000 đồng.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của anh Phạm Vũ Kh về việc yêu cầu chấm dứt hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất ngày 26/6/2020 giữa anh với ông Danh Ng và ông Danh M. Buộc ông M và ông Ng có nghĩa vụ giao trả cho anh Kh 40 chỉ vàng 9999 (quy ra tiền tại thời điểm xét xử): 40 chỉ vàng x giá vàng ngày 25/9/2025 là 11.150.000 đồng/chỉ = 446.000.000 đồng, cụ thể ông Danh M giao trả cho anh Phạm Vũ Kh số tiền 223.000.000 đồng, anh Danh Ng giao trả cho anh Phạm Vũ Kh số tiền 223.000.000 đồng. Đình chỉ một phần xét xử đối với yêu cầu số tiền thuê quyền sử dụng đất là 27.600.000 đồng.

Về án phí, chi phí tố tụng: Các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo yêu cầu Kh kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần BDLV (nay là Ngân hàng thương mại cổ phần LPVN) đối với ông Danh M về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng; Bị đơn ông Danh M có hộ khẩu thường trú tại huyện HD, tỉnh BL (nay là xã HD, tỉnh CM), căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện HD (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 9 – CM).

Ông Nguyễn Văn Y có đơn yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Văn Y.

Ông Danh M và anh Danh Ng đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng ông M và ông Ng vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung vụ án: Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định việc giao dịch vay tiền giữa Ngân hàng thương mại cổ phần LPVN với ông Danh M là hoàn toàn có xảy ra trên thực tế. Trong quá trình giải quyết vụ án Ngân hàng có cung cấp Hợp đồng Tín dụng số HDTD19A2020152 và Phụ lục Hợp đồng số HDTD19A2020153 và Hợp đồng Tín dụng số: HDTD19A2022244 ngày 29/07/2022, có chữ ký của ông Danh M. Tòa án có tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông M nhưng ông M không có ý kiến gì đối với yêu cầu Kh kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần LPVN. Căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử công nhận đây là sự thật, các đương sự không cần phải có nghĩa vụ chứng minh. Xét thấy yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần LPVN là phù hợp với quy định tại Điều 91 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu Kh kiện của Ngân hàng LPVN đối với ông Danh M, buộc ông Danh M có nghĩa vụ giao trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần LPVN số tiền là 698.728.395 đồng (Trong đó tiền gốc là 479.949.918 đồng, lãi trong hạn là 55.277.885 đồng, lãi quá hạn là 163.500.592 đồng) tạm tính đến ngày 25/9/2025. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

Xét yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp trong trường hợp ông Danh M không thanh toán được nợ cho Ngân hàng: Trong quá trình chuẩn bị xét xử, Ngân hàng có cung cấp hợp đồng thế chấp số HĐTC19A202074 đã được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã NH, huyện HD, tỉnh BL ngày 06/08/2021, các tài sản thế chấp là: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 002200, số vào sổ cấp GCN CS02812 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh BL cấp ngày 28/06/2019, thửa đất số 256 tờ bản đồ số 10, diện tích 10.343,8 m²; Địa chỉ thửa đất: ấp TK, xã NH, huyện HD, tỉnh BL. Mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 002112, số vào sổ cấp GCN CS02794 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh BL cấp ngày 19/06/2019, thửa đất số: 255 tờ bản đồ số 10, diện tích: 4.947,9 m²; Địa chỉ thửa đất: ấp TK, xã NH, huyện HD, tỉnh BL, mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước. Các tài sản thế chấp này được lập thành Hợp đồng thế chấp số HĐTC19A202074 ngày 21/8/2020 đã được công chứng, đăng ký giao dịch đảm bảo theo đúng quy định đã được công chứng, đăng ký giao dịch đảm bảo theo đúng quy định. Trong đó, các bên cùng thống nhất về việc thế chấp các tài sản để bảo đảm thực hiện cho toàn bộ nghĩa vụ thanh toán trả nợ vay của ông Danh M tại Ngân hàng. Xét thấy, việc ông Danh M thế chấp các tài sản để vay tiền của Ngân hàng có làm hợp đồng thế chấp đã được Ủy ban nhân dân xã NH, huyện HD, tỉnh BL chứng thực. Do đó, việc ông Danh M thế chấp các tài sản để vay tiền của Ngân hàng là đúng với quy định pháp luật. Do đó, để đảm bảo cho việc thu hồi nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu

cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi các tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng theo quy định.

[3] Đối với yêu cầu độc lập của anh Nguyễn Văn Kh: Xét thấy, trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa hôm nay, anh Nguyễn Văn Kh có yêu cầu rút lại toàn bộ yêu cầu độc lập với ông Danh M và anh Danh Ng, việc rút yêu cầu của anh Nguyễn Văn Kh là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu độc lập của anh Nguyễn Văn Kh.

[4] Đối với yêu cầu độc lập của anh Nguyễn Văn Th:

[4.1] Đình chỉ một phần xét xử đối với yêu cầu số tiền thuê quyền sử dụng đất là 27.000.000 đồng.

[4.2] Về việc yêu cầu chấm dứt hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất ngày 26/6/2020 giữa anh với ông Danh Ng và ông Danh M. Buộc ông M và ông Ng có nghĩa vụ giao trả cho anh số tiền cầm cố quyền sử dụng đất là 250.000.000 đồng.

Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 14/12/2024, phần đất tranh chấp có kích thước, vị trí và hiện trạng như sau:

Phần đất thứ nhất:

Cạnh hướng Đông giáp phần đất tranh chấp thứ 4 cạnh dài 83m

Cạnh hướng Tây giáp phần đất của ông Danh Sung cạnh dài 83,01m

Cạnh hướng Nam giáp phần đất tranh chấp thứ 2, 4 cạnh dài 41,97m +18,05m.

Cạnh hướng Bắc giáp đất của bà Lê Ngọc Trinh cạnh dài 60m.

Tại mảnh trích đo địa chính số 04 - 2024 và phụ chú kèm theo mảnh trích đo, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện HD xác định:

Diện tích 4947,9 m²: Nằm trong thửa 255, tờ bản đồ số 10 do ông Danh M đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất(Theo hồ sơ địa chính xã NH lập năm 2009). Diện tích đất nêu trên hiện anh Nguyễn Văn Kh đang trực tiếp quản lý, sử dụng.

Phần đất thứ hai:

Cạnh hướng Đông giáp phần đất tranh chấp thứ 4 cạnh dài 23,15m

Cạnh hướng Tây giáp phần đất của ông Danh Sung cạnh dài 30,2m

Cạnh hướng Nam giáp phần đất tranh chấp thứ 3 cạnh dài 41,1m.

Cạnh hướng Bắc giáp đất thứ 1 cạnh dài 41,94m.

Tại mảnh trích đo địa chính số 04 - 2024 và phụ chú kèm theo mảnh trích đo, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện HD xác định:

Diện tích 1106,4 m²: Nằm trong thửa 247, tờ bản đồ số 10 do ông Phan Văn Hèm đứng tên trên sổ mục kê và chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đối tượng nào (Theo hồ sơ địa chính xã NH lập năm 2009); Nằm trong thửa số 435 tờ bản đồ số 9 do bà Ong Thị Kỷ Chiêu đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Theo hồ sơ địa chính xã NH lập năm 1993). Diện tích đất nêu trên hiện anh Nguyễn Văn Kh đang trực tiếp quản lý, sử dụng.

Phần đất thứ ba:

Cạnh hướng Đông giáp phần đất tranh chấp thứ 4 cạnh dài 43,1m

Cạnh hướng Tây giáp phần đất của ông Danh Sung cạnh dài 32,7m

Cạnh hướng Nam giáp phần đất ông Danh Toàn cạnh dài 40,9m.

Cạnh hướng Bắc giáp đất thứ 2 cạnh dài 41,1m.

Tại mảnh trích đo địa chính số 04 - 2024 và phụ chú kèm theo mảnh trích đo, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện HD xác định:

Diện tích 1540,7 m²: Nằm trong thửa 251, tờ bản đồ số 10 do ông Danh Vinh đứng tên trên sổ mục kê và chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đối tượng nào (Theo hồ sơ địa chính xã NH lập năm 2009); Nằm trong thửa số 435 tờ bản đồ số 9 do bà Ong Thị Kỷ Chiêu đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Theo hồ sơ địa chính xã NH lập năm 1993). Diện tích đất nêu trên hiện anh Nguyễn Văn Kh đang trực tiếp quản lý, sử dụng.

Phần đất thứ tư:

Cạnh hướng Đông giáp phần đất của Sơn Minh Thiện cạnh dài 112,17m

Cạnh hướng Tây giáp phần đất của ông Danh Toàn, ông Danh Ngân và kênh 6000 cạnh dài 47,2m + 49,8m

Cạnh hướng Nam giáp phần đất của ông Lê Văn Hải và ông Trần Quốc Bình cạnh dài 43,5m + 13,38m + 25,35m + 22,29m + 8,77m.

Cạnh hướng Bắc giáp phần đất của bà Lê Ngọc Trinh cạnh dài 64,78m.

Tại mảnh trích đo địa chính số 04 - 2024 và phụ chú kèm theo mảnh trích đo, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện HD xác định:

Diện tích 10343,8 m²: Nằm trong thửa 256, tờ bản đồ số 10 do ông Danh M đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Theo hồ sơ địa chính xã NH lập năm 2009). Diện tích đất nêu trên hiện anh Nguyễn Văn Kh đang trực tiếp quản lý, sử dụng.

Đối với diện tích đất thứ 2 và thứ 3 Ngân hàng không có yêu cầu xem xét do không nằm trong hợp đồng thế chấp nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Anh Nguyễn Văn Th và anh Phạm Vũ Kh chỉ yêu cầu xem xét các diện tích đất cầm cố thuộc quyền sử dụng của ông Danh M.

Xét thấy: Giữa anh Nguyễn Văn Th với ông Danh M và ông Danh Ng có giao kết hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất, có lập thành văn bản là giấy cầm cố đất vào ngày 25/6/2020, hợp đồng không có thỏa thuận cụ thể về thời gian giao đất, chỉ có thỏa thuận là cầm cố 10 công tầm cây đất nuôi trồng thủy sản với số tiền là 250.000.000 đồng, thời hạn cầm cố 03 năm kể từ ngày 25/6/2020. Tuy nhiên, sau khi có thì anh Th không có trực tiếp canh tác đất mà cho ông Danh M và anh Danh Ng thuê lại với giá 27.000.000 đồng/năm. Theo quy định các Điều 166, 167 Luật đất đai 2013 và quy định của pháp luật về đất đai thì người sử dụng đất không có quyền cầm cố quyền sử dụng đất, nên giao dịch giữa anh Nguyễn

Văn Th với ông Danh M và anh Danh Ng là trái với quy định của pháp luật. Do đó, căn cứ vào các Điều 122, 123, 131 Bộ luật dân sự 2015 xác định hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất giữa các đương sự là vô hiệu.

Ngay từ thời điểm xác lập hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất giữa anh Th, ông M và anh Ng, thì chỉ có việc giao nhận số tiền 250.000.000 đồng, ông M và ông Ng không có giao đất cho anh Th canh tác, anh Th không yêu cầu xem xét đối với diện tích đất cầm cố.

Về giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Theo quy định tại Điều 131 Bộ luật dân sự 2015, thì giao dịch dân sự vô hiệu không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền và nghĩa vụ của các bên kể từ khi xác lập, các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, trao trả những gì đã nhận. Đối với giao dịch của các đương sự chỉ phát sinh quyền và nghĩa vụ với nhau đối với số tiền 250.000.000 đồng do anh Th đã giao cho ông M và anh Ng, ngoài ra các bên không có phát sinh quyền và nghĩa vụ đối với việc giao nhận đất. Trong quá trình giải quyết vụ án, người làm chứng là ông Phan Tấn Liệt xác định ông trực tiếp chứng kiến việc các bên đương sự thỏa thuận việc cầm cố đất và giao tiền. Do đó, yêu cầu của anh Th về việc buộc ông Danh M và ông Danh Ng có trách nhiệm trả số tiền cầm cố đất là 250.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận. Do đó, buộc ông Danh M và ông Danh Ng giao trả cho anh Nguyễn Văn Th số tiền 250.000.000 đồng, cụ thể ông Danh M giao trả cho anh Nguyễn Văn Th số tiền 125.000.000 đồng, anh Danh Ng giao trả cho anh Nguyễn Văn Th số tiền 125.000.000 đồng.

[5] Đối với yêu cầu độc lập của anh Phạm Vũ Kh:

[5.1] Đình chỉ một phần xét xử đối với yêu cầu số tiền thuê quyền sử dụng đất là 27.600.000 đồng.

[5.2] Về việc yêu cầu chấm dứt hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất ngày 15/3/2021 giữa anh với ông Danh Ng và ông Danh M. Buộc ông M và ông Ng có nghĩa vụ giao trả cho anh số vàng cầm cố quyền sử dụng đất là 40 chỉ vàng 9999.

Xét thấy: Giữa anh Phạm Vũ Kh với ông Danh M và ông Danh Ng có giao kết hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất, có lập thành văn bản là giấy cầm cố đất vào ngày 15/3/2021, hợp đồng không có thỏa thuận cụ thể về thời gian giao đất, chỉ có thỏa thuận là cầm cố 12 công tằm cấy đất nuôi trồng thủy sản với số vàng là 40 chỉ vàng 9999, thời hạn cầm cố 03 năm kể từ ngày 15/3/2021. Tuy nhiên, sau khi có thì anh Kh không có trực tiếp canh tác đất mà cho ông Danh M và anh Danh Ng thuê lại với giá 27.600.000 đồng/năm. Theo quy định các Điều 166, 167 Luật đất đai 2013 và quy định của pháp luật về đất đai thì người sử dụng đất không có quyền cầm cố quyền sử dụng đất, nên giao dịch giữa anh Phạm Vũ Kh với ông Danh M và anh Danh Ng là trái với quy định của pháp luật. Do đó, căn cứ vào các Điều 122, 123, 131 Bộ luật dân sự 2015 xác định hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất giữa các đương sự là vô hiệu.

Ngay từ thời điểm xác lập hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất giữa anh Kh, ông M và anh Ng, thì chỉ có việc giao nhận 40 chỉ vàng 9999, ông M và ông Ng

không có giao đất cho anh Kh canh tác, anh Kh không yêu cầu xem xét đối với diện tích đất cầm cố.

Về giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Theo quy định tại Điều 131 Bộ luật dân sự 2015, thì giao dịch dân sự vô hiệu không làm phát sinh, thay đổi, chấm dứt quyền và nghĩa vụ của các bên kể từ khi xác lập, các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, trao trả những gì đã nhận. Đối với giao dịch của các đương sự chỉ phát sinh quyền và nghĩa vụ với nhau đối với 40 chỉ vàng 9999 do anh Kh đã giao cho ông M và anh Ng, ngoài ra các bên không có phát sinh quyền và nghĩa vụ đối với việc giao nhận đất. Trong quá trình giải quyết vụ án, người làm chứng là ông Phan Văn Ý xác định ông trực tiếp chứng kiến việc các bên đương sự thỏa thuận việc cầm cố đất và giao vàng. Do đó, yêu cầu của anh Kh về việc buộc ông Danh M và ông Danh Ng có trách nhiệm trả 40 chỉ vàng 9999 là có cơ sở chấp nhận. Do đó, buộc ông Danh M và ông Danh Ng giao trả cho anh Phạm Vũ Kh 40 chỉ vàng 9999. Tuy nhiên, căn cứ vào Điều 19 của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 về quản lý hoạt động kinh doanh vàng thì sử dụng vàng làm phương tiện thanh toán là hành vi vi phạm, anh Kh cũng có ý kiến đồng ý quy đổi 40 chỉ vàng 9999 thành tiền Việt Nam đồng (40 chỉ vàng x giá vàng ngày 25/9/2025 là 11.150.000 đồng/chỉ = 446.000.000 đồng), cụ thể ông Danh M giao trả cho anh Phạm Vũ Kh số tiền 223.000.000 đồng, anh Danh Ng giao trả cho anh Phạm Vũ Kh số tiền 223.000.000 đồng.

[6] Xét thấy, anh Nguyễn Văn Kh đang trực tiếp quản lý sử dụng các phần đất ông M hiện đang thế chấp quyền sử dụng đất cho Ngân hàng để vay tiền. Do chấp nhận yêu cầu phát mãi tài sản của Ngân hàng đối với ông M nên cần buộc anh Nguyễn Văn Kh có nghĩa vụ giao trả cho ông Danh M các phần đất hiện anh Kh đang trực tiếp quản lý sử dụng để Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thu hồi nợ theo quy định pháp luật.

[7] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản tranh chấp là 450.000 đồng. Do yêu cầu Kh kiện của Ngân hàng được Tòa án chấp nhận nên Ngân hàng không phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản tranh chấp, buộc ông Danh M phải có nghĩa vụ giao trả cho Ngân hàng số tiền 450.000 đồng. Ngân hàng đã tạm dự nộp chi phí tố tụng là 10.000.000 đồng, hoàn lại cho Ngân hàng số tiền chi phí tố tụng còn lại là 9.450.000 đồng tại Tòa án.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ngân hàng thương mại cổ phần LPVN không phải chịu. Ngân hàng thương mại cổ phần BDLV (nay là LPVN) đã tạm dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 11.855.000 đồng ngày 09/11/2023 theo biên lai thu số 0007362 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện HD (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 9 – CM) được nhận lại đủ. Buộc ông Danh M nộp số tiền án phí là 31.949.000 đồng tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 9 – CM.

[9] Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch:

Hoàn lại cho anh Nguyễn Văn Kh số tiền 300.000 đồng đã tạm dự nộp ngày 22/3/2024 theo biên lai thu số 0007570 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện HD (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 9 – CM).

Hoàn lại cho anh Nguyễn Văn Th số tiền 300.000 đồng đã tạm dự nộp ngày 20/02/2025 theo biên lai thu số 0004145 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện HD (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 9 – CM).

Hoàn lại cho anh Phạm Vũ Kh số tiền 300.000 đồng đã tạm dự nộp ngày 20/02/2025 theo biên lai thu số 0004146 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện HD (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 9 – CM).

Buộc ông Danh M phải nộp số tiền 600.000 đồng tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 9 – CM.

Buộc anh Danh Ng phải nộp số tiền 600.000 đồng tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 9 – CM.

[10] Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp, được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 273, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Áp dụng các Điều 166 và 167 Luật đất đai 2013;

Áp dụng các Điều 122, 123, 131 Bộ luật Dân sự 2015;

Áp dụng Nghị định 24/2012/NĐCP ngày 03/4/2012 về quản lý hoạt động kinh doanh vàng;

Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận yêu cầu Kh kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần BDLV (nay là Ngân hàng thương mại cổ phần LPVN) đối với ông Danh M về việc tranh hợp đồng tín dụng. Buộc ông Danh M có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần BDLV (nay là Ngân hàng thương mại cổ phần LPVN) số tiền là 698.728.395 đồng (Trong đó tiền gốc là 479.949.918 đồng, lãi trong hạn là 55.277.885 đồng, lãi quá hạn là 163.500.592 đồng) tạm tính đến ngày 25/9/2025. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

2/. Ngân hàng thương mại cổ phần BDLV (nay là Ngân hàng thương mại cổ phần LPVN) có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp số HĐTC19A202074 đã được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã NH, huyện HD, tỉnh BL ngày 06/08/2021, các tài sản thế chấp là:

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 002200, số vào sổ cấp GCN CS02812 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh BL cấp ngày 28/06/2019, thửa đất số 256 tờ bản đồ số 10, diện tích 10.343,8 m²; Địa chỉ thửa đất: ấp TK, xã NH, huyện HD, tỉnh BL. Mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 002112, số vào sổ cấp GCN CS02794 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh BL cấp ngày 19/06/2019, thửa đất số: 255 tờ bản đồ số 10, diện tích: 4.947,9 m²; Địa chỉ thửa đất: ấp TK, xã NH, huyện HD, tỉnh BL, mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước.

Buộc anh Nguyễn Văn Kh giao trả cho ông Danh M các diện tích đất qua đo đạc thực tế có kích thước, vị trí như sau:

Phần đất thứ 1:

Cạnh hướng Đông giáp phần đất tranh chấp thứ 4 cạnh dài 83m

Cạnh hướng Tây giáp phần đất của ông Danh Sung cạnh dài 83,01m

Cạnh hướng Nam giáp phần đất tranh chấp thứ 2, 4 cạnh dài 41,97m + 18,05m.

Cạnh hướng Bắc giáp đất của bà Lê Ngọc Trinh cạnh dài 60m.

Tại mảnh trích đo địa chính số 04 - 2024 và phụ chú kèm theo mảnh trích đo, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện HD xác định:

Diện tích 4947,9 m²: Nằm trong thửa 255, tờ bản đồ số 10 do ông Danh M đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất(Theo hồ sơ địa chính xã NH lập năm 2009).

Phần đất thứ 2

Cạnh hướng Đông giáp phần đất của Sơn Minh Thiện cạnh dài 112,17m

Cạnh hướng Tây giáp phần đất của ông Danh Toan, ông Danh Ngàn và kênh 6000 cạnh dài 47,2m + 49,8m

Cạnh hướng Nam giáp phần đất của ông Lê Văn Hải và ông Trần Quốc Bình cạnh dài 43,5m + 13,38m + 25,35m + 22,29m + 8,77m.

Cạnh hướng Bắc giáp phần đất của bà Lê Ngọc Trinh cạnh dài 64,78m.

Tại mảnh trích đo địa chính số 04 - 2024 và phụ chú kèm theo mảnh trích đo, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện HD xác định:

Diện tích 10343,8 m²: Nằm trong thửa 256, tờ bản đồ số 10 do ông Danh M đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất(Theo hồ sơ địa chính xã NH lập năm 2009).

3/. Đình chỉ xét xử yêu cầu độc lập của anh Nguyễn Văn Kh về việc tranh chấp hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất ngày 28/01/2022 giữa anh Nguyễn Văn Kh với ông Danh M và anh Danh Ng.

4/. Chấp nhận yêu cầu độc lập của anh Nguyễn Văn Th đối với ông Danh M và anh Danh Ng. Tuyên bố hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất ngày 25/6/2020 giữa anh Nguyễn Văn Th và ông Danh M, anh Danh Ng là vô hiệu.

Buộc buộc ông Danh M giao trả cho anh Nguyễn Văn Th số tiền 125.000.000 đồng, buộc anh Danh Ng giao trả cho anh Nguyễn Văn Th số tiền 125.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015.

5/. Chấp nhận yêu cầu độc lập của anh Phạm Vũ Kh đối với ông Danh M và anh Danh Ng. Tuyên bố hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất ngày 15/3/2021 giữa anh Phạm Vũ Kh và ông Danh M, anh Danh Ng là vô hiệu.

Buộc buộc ông Danh M giao trả cho anh Phạm Vũ Kh số tiền 223.000.000 đồng, buộc anh Danh Ng giao trả cho anh Phạm Vũ Kh số tiền 223.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015.

6/. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản tranh chấp là 450.000 đồng. Do yêu cầu Kh kiện của Ngân hàng được Tòa án chấp nhận nên Ngân hàng không phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản tranh chấp, buộc ông Danh M phải có nghĩa vụ giao trả cho Ngân hàng số tiền 450.000 đồng. Ngân hàng đã tạm dự nộp chi phí tố tụng là 10.000.000 đồng, hoàn lại cho Ngân hàng số tiền chi phí tố tụng còn lại là 9.450.000 đồng tại Tòa án.

7/. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ngân hàng thương mại cổ phần LPVN không phải chịu. Ngân hàng thương mại cổ phần BDLV (nay là LPVN) đã tạm dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 11.855.000 đồng ngày 09/11/2023 theo biên lai thu số 0007362 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện HD (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 9 – CM) được nhận lại đủ. Buộc ông Danh M nộp số tiền án phí là 31.949.000 đồng tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 9 – CM.

8/. Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch:

Hoàn lại cho anh Nguyễn Văn Kh số tiền 300.000 đồng đã tạm dự nộp ngày 22/3/2024 theo biên lai thu số 0007570 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện HD (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 9 – CM).

Hoàn lại cho anh Nguyễn Văn Th số tiền 300.000 đồng đã tạm dự nộp ngày 20/02/2025 theo biên lai thu số 0004145 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện HD (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 9 – CM).

Hoàn lại cho anh Phạm Vũ Kh số tiền 300.000 đồng đã tạm dự nộp ngày 20/02/2025 theo biên lai thu số 0004146 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện HD (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 9 – CM).

Buộc ông Danh M phải nộp số tiền 600.000 đồng tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 9 – CM.

Buộc anh Danh Ng phải nộp số tiền 600.000 đồng tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 9 – CM.

9/. Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

10/. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh CM;
- VKSND Khu vực 9 – CM;
- Phòng THADS Khu vực 9 – CM;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án;

Trương Hồng Diễm

